

Số: 330/2020/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 7 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua phương án lập kế hoạch vốn đầu tư công  
trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công,*

*Xét Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc phương án lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2); Báo cáo thẩm tra số 157/BC-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua phương án lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh quản lý và phân bổ (lần 2), với những nội dung như sau:

Tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Tỉnh là **26.077,2 tỷ đồng**, với phương án phân bổ như sau:

1. Vốn cân đối ngân sách địa phương: 17.449 tỷ đồng.
  - a). Vốn ngân sách tập trung: 6.637 tỷ đồng, gồm: cấp Tỉnh quản lý 4.009 tỷ đồng, cấp Huyện quản lý là 2.628 tỷ đồng.
  - b). Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 3.287 tỷ đồng.
  - c). Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 7.525 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách Trung ương (gồm vốn nước ngoài - ODA) và vốn trái phiếu Chính phủ: 8.628,2 tỷ đồng.
  - a). Ngân sách Trung ương hỗ trợ mục tiêu: 4.680,7 tỷ đồng.
  - b). Vốn nước ngoài (ODA): 2.284,3 tỷ đồng.

c). Vốn trái phiếu Chính phủ: 1.663,2 tỷ đồng.

*(Chi tiết Phụ lục 1, 2 kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này, làm cơ sở gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp phương án lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Tỉnh theo quy định.

Đối với danh mục dự án đề nghị vốn hỗ trợ của Trung ương (*nguồn vốn hỗ trợ khác từ các Bộ, ngành Trung ương như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Công an...*): thống nhất giao Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục các dự án để đề nghị Trung ương hỗ trợ.

*(Chi tiết Phụ lục 3 kèm theo)*

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khoá IX, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND, CP, Ban CTĐBQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- TT/TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- UBKT Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành Tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, KT-NS.

**CHỦ TỊCH**



**Phan Văn Thắng**

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Dự kiến cơ quan lập BC để xuất hoặc BC nghiên cứu tiền khả thi	Định điểm dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMĐT	Lên kế hoạch bố trí tư liệu khởi công đến hết năm 2020	Như sau đây từ giải đoạn 2021-2025				Dự kiến KH đầu tư giải đoạn 2021-2025				Chi chú													
									trong đó:				trong đó:																	
									Tổng số (đất các nguồn vốn)	NSTW (đất các nguồn vốn)	XSKT	TPCP	Tổng vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	NSTW (phần vốn tình quan lý)	XSKT	TPCP		Tổng vốn đầu tư công do Tỉnh quản lý và phân bổ	NSTW (phần vốn tình quan lý)	XSKT	TPCP	Vốn khác (vốn khác ngoài NS, trợ vốn NS cấp huyện, vốn huy động...)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=(12+17)	12=(13+14+15+16)	13	14	15	16	17	18=(19+25)	19=(20+21+22+23+24)	20	21	22	23	24	25	26					
1	Dự án chuẩn bị từ giải đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, song giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	9	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	C	TM-CL	Cấp V - công bằng, chiều dài 13,8km	2019-2021	1.314.054	315.740	673.000	524.000	17.000	507.000	507.000	17.000	524.000	673.000	524.000	17.000	507.000	507.000	23.000	8.000			149.000	149.000			
1.1	Dự án chuẩn bị từ giải đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, song giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	9	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	C	TM	Chiều dài 1,39km	2019-2021	69.454	40.000	23.000	23.000					23.000	23.000				23.000									
2	Đường vành đai Tây Bắc thuộc Khu di tích Gò Tháp	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	C	TM	Chiều dài 1,39km	2019-2021	23.624	15.000	8.000	8.000					8.000	8.000				8.000									
3	Năng cấp đường DT841 và xây dựng mới cầu Sô Thượng 2	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	B	HN- TXHN	Cấp IV - đồng bằng, chiều dài 9,8km	2019-2023	328.156	20.000	275.000	150.000		150.000			150.000	275.000	150.000			150.000						125.000	125.000		
4	Năng cấp đường DT848 đoạn từ vòng xoay khu công nghiệp C đến nút giao DT849	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	C	LVo- TPST	Cấp III - đồng bằng, chiều dài 16,93km	2019-2021	79.118	15.000	56.000	56.000					56.000	56.000			56.000								56.000		
5	Năng cấp đường DT848 đoạn từ nút giao DT849 đến cầu Cái Tàu Thượng	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	C	LVo	Cấp IV - đồng bằng, chiều dài 10,45km	2019-2021	78.896	5.000	66.000	66.000					66.000	66.000			66.000								66.000		
6	Mở rộng đường DT 849 đoạn từ DT 848 đến Quốc lộ 80	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	B	LVo	Cấp III - đồng bằng, chiều dài 9,8km	2020-2023	118.237	8.740	97.000	97.000					97.000	97.000			97.000								97.000		
7	Mở rộng đường DT846 đoạn Mỹ An - Hàng Láng	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	C	TM	Cấp IV - đồng bằng, chiều dài 8,55km	2020-2022	78.848	5.000	66.000	66.000					66.000	66.000			66.000								66.000		
8	Đường kết nối DT855 (Đông Tháp) - DT908 (Vinh Long), huyện Châu Thành (NS trình hồ trợ cơ mục tiêu)	1	UBND huyện Châu Thành	C	CT	Cấp V - công bằng, chiều dài 6,57km	2020-2021	58.421	11.000	41.000	17.000	17.000				17.000	41.000	17.000			17.000								17.000	
9	Đường từ Sô Tr pháp kết nối đường Tân Việt Hòa	1	Sơ GTVT	B	TPCL	Chiều dài L=2.209km, (rộng 20m (5-7-2-7-5)	2017-2021	477.300	196.000	41.000	41.000					41.000	41.000			41.000									41.000	
2	Dự án khởi công mới trong giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	13						11.740.341		10.922.289	6.080.289	594.000	2.498.289	1.476.000	1.512.000	4.842.000	9.483.000	4.588.000	400.000	1.196.000	1.480.000							1.512.000	4.895.000	
2.1	Dự án hoàn thành và bàn giao đầu vào sử dụng giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	12						11.600.341		10.872.289	6.030.289	594.000	2.448.289	1.476.000	1.512.000	4.842.000	9.438.000	4.543.000	400.000	1.151.000	1.480.000								1.512.000	4.895.000
1	Tuyến QL30 cao tốc An Hòa - Cao Lãnh	1	Ban QLDA 7, Sơ GTVT DT	A	Tiền Giang - Đồng Tháp		2021-2025	5.380.000		4.842.000						4.842.000	4.842.000												4.842.000	
2	Hàng rào bảo vệ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp	1	Sơ GTVT	A	Lvo- TPST	đường cấp III dài khoảng 23,3 km, xây dựng 25 căn và công trên tuyến tại trung HL-93	2021-2025	1.664.000		1.512.000	1.512.000					1.512.000	1.512.000													1.512.000
3	Xây dựng tuyến DT.857 đoạn QL30- DT.845	1	Sơ GTVT	B	TB-CL- TM	đường cấp V, đồng bằng dài khoảng 45km (GPMB theo đường cấp IV), xây dựng công và 03 cầu và công trên tuyến tại trung HL-93; trong đó: giải đoạn 1 (QL30-DT856) dài khoảng 2,6 km, giải đoạn 2 (DT856-DT845) dài khoảng 16,5km.	2022-2025	1.067.000		1.067.000	1.067.000					1.067.000	960.000	960.000			220.000									740.000

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Dự kiến cơ quan lập BC để vượt hoặc BC nghiệm thu	Loại dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMĐT	Lên kế hoạch bố trí vốn khởi công đến hết năm 2020	Như sau đầu tư giai đoạn 2021-2025				Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025				Chi chủ											
										trong đó:				trong đó:					trong đó:										
										Tổng số (dĩ chi các nguồn vốn)	NSTW (kể cả vốn ngoài nước)	TPCP	Vốn khác (vốn nhà nước, trợ vốn NS cấp huyện, vốn huy động...)	Tổng số (dĩ chi các nguồn vốn)	NSTW (kể cả vốn ngoài nước)	TPCP	Vốn khác (vốn nhà nước, trợ vốn NS cấp huyện, vốn huy động...)		Tổng số (dĩ chi các nguồn vốn)	NSTW (kể cả vốn ngoài nước)	TPCP	Vốn khác (vốn nhà nước, trợ vốn NS cấp huyện, vốn huy động...)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=(12+17)	12=(13+14+15+16)	13	14	15	16	17	18=(19+25)	19=20+21+22+23+24	20	21	22	23	24	25	26				
4	Đường DT845 đoạn Trường Xuân - Tân Phước	1	Sơ GTVT	B	TN-TH	đường cấp IV dài khoảng 272 km, sá đường 12 cầu và công trình tuyến tải trong HL93, trong đó: + giải đoạn 1 (Trường Xuân-Hòa Bình), dài khoảng 19,4 km, xây dựng 8 cầu và công trình tuyến tải trong HL 93 + giải đoạn 2 (Hòa Bình-Tân Phước), dài 7,8km, xây dựng 04 cầu	2022-2025	1.095.000	1.095.000	1.095.000	445.000	650.000						920.000	920.000	270.000			650.000						
5	Nâng cấp mở rộng tuyến đường DT842	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	B	TXH-HH	dài khoảng 26,0km, nâng cấp mở rộng dài cấp IV đường bằng, dự án trên địa bàn biên giới	2022-2025	249.000	249.000	249.000	149.000	100.000						220.000	220.000	130.000			90.000						
6	Xây dựng cầu Tân Thành B tuyến DT843	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	C	TH	xây dựng một cầu Tân Thành B HL93	2022-2024	35.000	35.000	35.000	35.000							31.000	31.000										
7	Nâng cấp đường DT844 đoạn nối ở Thị trấn Tràm Chim và hệ thống cầu đoạn Tràm Chim - Trường Xuân	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	B	TM-TN	tham nhận đơn mời chào trên Tràm Chim dài 2,2km và nâng cấp mở rộng 13 cầu đoạn Tràm Chim- Trường Xuân	2022-2025	120.000	120.000	120.000	120.000							100.000	100.000										
8	Bên Phi An Long- Tân Quoi huyện Thanh Bình	1	Sơ GTVT	C	TB	xây dựng một cấp IV tải trọng 16 tấn qua 5 sà cẩu lao huyện Thanh Bình	2022-2024	70.000	70.000	70.000	70.000							65.000	65.000				50.000					13.000	
9	Mở rộng mặt cầu và nâng cấp tải trọng cầu Tràm Chim trên tuyến DT843	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	C	TN	- Phần cầu: rộng 12m; - Đường vào cầu: Chiều dài vượt mở đư kiến mở bên 100m, mở rộng mặt đường lạng như rộng 9m, tải trọng trục 10 tấn	2021-2022	20.689	20.689	20.689	20.689							18.600	18.600				18.600						
10	Cầu Xóc Miến	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	C	TB	dài 19,4m, rộng 21,6m, tải trọng HL93	2021-2023	33.000	30.000	30.000	30.000							30.000	30.000				30.000						
11	Đường T3. Hạ tầng thủy sản (đơn tư tính là D1848 đến sông Tân)	1	UBND/TPSD	B	TPSD	dài 690m, nên rộng 20m, mặt lạng như rộng 14m, xây dựng cầu Dông Huệ và cầu số 02, tải đơn xe Đơng Huệ dài 2,0km, hiện trong mặt đường như rộng 9,0m + Đoạn 2 (cầu Dông Huệ - bến đò qua cầu Dông Giang) dài 450m, hiện trong mặt đường như rộng 3,5m)	2021-2024	80.878	72.000	72.000	72.000							70.000	70.000				30.000						40.000
12	Hạ tầng tiện ích cấp huyện (đơn tư tính là đơn vị phân bổ phân bổ thành tiền chi riêng phần mới)	1	UBND huyện, thị xã thành phố		toàn tỉnh		2021-2025	1.785.774	1.759.600	1.759.600	482.800	1.759.600						671.400	671.400				671.400						
2.2	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025	1						140.000		50.000		50.000					45.000	45.000				45.000							
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường TT Tràm Chim - Hòa Bình	1	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	B	TN	nâng cấp mở rộng tuyến đường cấp IV đường bằng, dài khoảng 14,9km và xây dựng 06 cầu trên tuyến HL93	2025-2028	140.000	50.000	50.000	50.000						45.000	45.000				45.000							
VI	Hệ thống dự thi, CNS-TMDL	12						12.262.840	593.696	10.511.600	4.824.800	75.000	2.045.500				3.566.300	7.325.800				1.244.600						2.881.300	
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	2						1.460.479	593.696	66.000	30.800						65.200	1.852.000				35.200							